

**TÒA ÁNNHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 285/2019/HS-ST

Ngày: 09 - 10 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Thị Yến.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đoàn Xuân Hòa**

Ông Nguyễn Đức Dích

Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Vân Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Bà **Vũ Ngọc Quyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2019 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 312/2019/TLST-HS ngày 19 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 294/2019/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị H1- Tên gọi khác: Không - Giới tính: Nữ

Sinh ngày 13/11/1989, tại huyện ML, thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú: thôn Phở Yên, xã Tiên Phong, huyện ML, thành phố Hà Nội.

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 11/12;

Họ và tên cha: Nguyễn Văn Cường (đã chết).

Họ tên mẹ: Vũ Thị Minh (đã chết).

Anh chị em ruột: có 02 người, bị cáo là thứ hai.

Có chồng là Nguyễn Xuân T (sống như vợ chồng không đăng ký kết hôn). Bị cáo có 3 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2016

Tiền án, tiền sự: chưa có;

Bị bắt ngày 27/7/2019, tạm giữ từ 27/7/2019 đến ngày 02/8/2019 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.Hiện tại ngoại.

*** Người tham gia tố tụng khác:**

1. Bị hại: Chị Đặng Hoàng N, sinh năm 1978. Vắng mặt.

Nơi cư trú: tổ 1, phường Giang Biên, quận B, thành phố Hà Nội.

2. Người làm chứng:

- Anh Đặng Xuân K - Sinh năm 1973. (Nơi cư trú: phòng 301.k2, khu tập thể học viện Hồ Chí Minh, phường NT, quận CG, thành phố Hà Nội). Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Hữu D - Sinh năm 1973. (Chỗ ở: Tổ 3, khu 5a, phường BC, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh). Vắng mặt.

- Anh Hoàng Ngọc H1 - Sinh năm 1999. (Nơi cư trú: khu 11, phường Hà An, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 18 giờ 20 phút ngày 27/7/2019, Nguyễn Thị H1 đi cùng cH1 là anh Nguyễn Xuân Tuyến (chưa đăng ký kết hôn) đến khu vực BC, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh để du lịch. Trong lúc anh Tuyến ra đường bắt xe đi tìm phòng trọ, H1 đi bộ trên vỉa hè bên trái đầu đường rẽ vào bãi trông gửi xe của Sungroup, thuộc tổ 1, khu 5, phường BC, thành phố H thì nhìn thấy chị Đặng Hoàng N, sinh năm 1978, trú tại tổ 1, phường Giang Biên, quận B, thành phố Hà Nội, đi bộ cùng chiều sát với H1. Trên vai chị N đeo một túi xách quai chéo màu đen, nắp túi bị kênh và nhìn thấy bên trong có tiền. H1 nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của chị N nên đã đi sát vào túi xách của chị N rồi dùng áo sơ mi màu xám phủ lên cổ tay pH1 rồi móc tay vào túi lấy được số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). H1 liền cất vào trong áo sơ mi cầm trên tay thì chị N phát hiện đã giữ tay pH1 của H1 và lật chiếc áo sơ mi thì thấy trong áo mà H1 đang cầm có 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) buộc bằng dây chun màu H1. Chị N khẳng định đó là số tiền chị soạn ra để đi du lịch. Ngay lập tức chị N tri hô “có người móc túi” thì được chú ruột là ông Đặng Xuân K đi ở gần đó đến hỗ trợ giữ tay trái H1, cùng với anh Nguyễn

Hữu D và một số người dân đã báo Công an đến bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang.

Vật chứng thu giữ tổng số tiền 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*) gồm: 03 tờ tiền mệnh giá 500.000đồng (*Năm trăm nghìn đồng*), 07 tờ tiền mệnh giá 200.000đồng (*hai trăm nghìn đồng*), 09 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồng*) và 04 tờ tiền mệnh giá 50.000đồng (*Năm mươi nghìn đồng*); 01 áo sơ mi dài tay, màu ghi, kích thước 130x64cm. Tạm giữ tài sản của H1: 01 túi xách màu nâu đỏ, có dây đeo bằng kim loại sáng màu, số tiền mặt là 1.970.000đ (*Một triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng*); 01 nhẫn bằng kim loại sáng màu, hình tròn, có trang trí hình trái tim có chữ Love; 01 dây chuyền dài 50cm bằng kim loại sáng màu, có mặt dây chuyền hình tròn bằng kim loại sáng màu, có ký tự chữ D trên mặt dây chuyền; 01 lắc tay bằng kim loại sáng màu, dài 15cm, trên lắc tay có mặt trang trí hình tròn bằng kim loại sáng màu; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, dung lượng 64GB số IMEI 357293095886883.

Tại biên bản phạm tội quả tang, H1 không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, nhưng trong quá trình điều tra, H1 thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung của vụ án.

Tại Cáo trạng số 258/CT-VKSHL ngày 17/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị H1 về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm h, i, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự; Điểm a, khoản 1, Khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a, khoản 2; Điểm a, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H1 từ 9 (chín) tháng tù đến 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 (Mười tám) đến 24 (Hai tư) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị H1 cho UBND xã Tiên Phong, huyện ML, thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo pH1 chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng của vụ án là số tiền 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*) đã thu hồi trả cho người bị hại. Người bị hại không có yêu cầu gì khác. Tịch thu tiêu hủy 01 áo sơ mi và trả lại cho bị cáo 1.970.000đ (*Một triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Trong quá trình điều tra và quá trình xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị H1 đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, cùng công nhận quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Lời nói sau cùng: bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị hại chị Đặng Hoàng N có lời khai tại Cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của bị cáo về thời gian, địa điểm xảy ra sự việc, số tiền mà chị bị H1 chiếm đoạt.

Người làm chứng Anh Đặng Xuân K, Anh Nguyễn Hữu D, Anh Hoàng Ngọc H1 có lời khai thể hiện về thời gian, địa điểm xảy ra sự việc phù hợp với lời khai nhận của các bị cáo và bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan cảnh sát Điều

tra, Kiểm sát viên, cơ quan Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Điều tra viên, cơ quan cảnh sát điều tra, Kiểm sát viên, cơ quan Viện kiểm sát. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp, phù hợp với các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, qua khai nhận của bị cáo, đồng thời căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa đã đủ cơ sở kết luận: Khoảng 18 giờ 20 phút, ngày 27/7/2019, tại khu vực vỉa hè bên trái đầu đường rẽ vào bãi trông gửi xe của SunGroup, thuộc tổ 1, khu 5, phường BC, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, Nguyễn Thị H1 đã có hành vi dùng áo sơ mi màu xám để trên cổ tay pH1 rồi thò tay vào túi xách màu đen của chị Đặng Hoàng N trộm cắp 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*) thì bị phát hiện bắt quả tang.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị H1 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: ...”.

[3] Về tính chất, mức độ thực hiện tội phạm:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm đến quyền sở hữu chính đáng và hợp pháp về tài sản của bị hại, là khách thể quan trọng được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Bị cáo là những người đã trưởng thành, có đủ sức khỏe, biết và nhận thức được tài sản của cá nhân, tổ chức được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đến đều bị nghiêm cấm và nghiêm trị, nhưng chỉ vì thiếu ý thức chấp hành pháp luật, tham lam, tư lợi và mong muốn hưởng thụ thành quả lao động của người khác để thỏa mãn nhu cầu của bản thân nên bị cáo đã phạm tội. Bị cáo lợi dụng sơ hở của bị hại trong việc quản lý tài sản để thực hiện hành vi trộm

cấp tài sản. Hành vi của bị cáo thể hiện coi thường tài sản của tổ chức, cá nhân, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của người khác và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Việc đưa bị cáo ra xét xử công khai là cần thiết, để cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; Khi phạm tội bị cáo là phụ nữ có thai và người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên bị cáo được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm h, i, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, do đó, không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội, chỉ cần xử phạt bị cáo một mức án và cho bị cáo được hưởng án treo thể hiện sự khoan H1 của Nhà nước và Pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và bồi thường dân sự: vật chứng là số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) bị cáo trộm cắp của chị N. Số tiền trên cơ quan điều tra đã trả lại cho người bị hại. Người bị hại không có yêu cầu gì khác nên không xét.

Số tài sản cơ quan điều tra tạm giữ của bị cáo gồm: 01 túi xách màu nâu đỏ, có dây đeo bằng kim loại sáng màu; 01 nhẫn bằng kim loại sáng màu, hình tròn, có trang trí hình trái tim có chữ Love; 01 dây chuyền dài 50cm bằng kim loại sáng màu, có mặt dây chuyền hình tròn bằng kim loại sáng màu, có ký tự chữ D trên mặt dây chuyền; 01 lắc tay bằng kim loại sáng màu, dài 15cm, trên lắc tay có mặt trang trí hình tròn bằng kim loại sáng màu; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, dung lượng 64GB số IMEI 357293095886883. Số tài sản trên là của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội, đã trả lại cho bị cáo nên không xét.

Số tiền 1.970.000đ (Một triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng) là tiền của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

Chiếc áo sơ mi bị cáo dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: bị cáo pH1 nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm h, i, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1,2,5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Thị H1** phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị H1 06 (sáu) tháng** tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách **12 (mười hai) tháng**, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị H1 cho UBND xã Tiên Phong, huyện ML, thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo pH1 chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Hủy bỏ lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 151/2019/LCĐKNCT-TA ngày 24 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố H đối với bị cáo Nguyễn Thị H1.

Áp dụng: Điểm a, khoản 1, Khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a, khoản 2, Điểm a, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 áo sơ mi dài tay, màu ghi, kích thước 130x64; Trả lại cho bị cáo số tiền 1.970.000đ (*Một triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng*) (Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 11/BB-GN ngày 08/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H)

Áp dụng: Điều 135, Điều 136; Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo pH1 nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai, có mặt bị cáo, vắng mặt bị hại. Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Báo cho bị hại biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TP H;
- CQCSĐT CA TP H;
- THADS TP H;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu HS; Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Yến